



VNU Journal of Science: Policy and Management Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/PaM>



Review Article

Solutions by Vietnam to Contain Reciprocal Tariff by United States

Ly Dai Hung*

Institute of Vietnam and World Economy, Floor 11th-12th, 1 Lieu Giai, Ngoc Ha, Hanoi, Vietnam

Received 24th April 2025

Revised 08th September 2025; Accepted 20th September 2025

Abstract: The US reciprocal tax aims not only to balance trade but also to adjust the international trade system and reshape the world order. Therefore, the 46% reciprocal tax on goods from Vietnam needs to be analyzed in terms of trade, investment and geopolitics. In particular, the paper proposes the negotiation over the tariff needs to be equipped with the investment solutions such as increasing the purchase of US government bonds. In the long term, increasing production capacity to consolidate national potential is a necessary solution for Vietnam to stand firm within the global trade instability.

Keywords: Reciprocal tax; Vietnam; United States.

* Corresponding author.

E-mail address: hunglydai@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4552>

Giải pháp của Việt Nam ứng phó thuế đối ứng của Hoa Kỳ

Lý Đại Hùng*

Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới, Tầng 11-12, Tòa B, 1 Liễu Giai, Ngọc Hà, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 24 tháng 4 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 08 tháng 9 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 9 năm 2025

Tóm tắt: Thuế đối ứng của Hoa Kỳ không chỉ nhằm cân bằng thương mại mà còn hướng tới điều chỉnh hệ thống thương mại quốc tế và trật tự thế giới. Bởi vậy, mức thuế đối ứng 46% đối với hàng hóa từ Việt Nam cần được phân tích trong các chiều cạnh gồm thương mại, đầu tư và địa chính trị. Trong đó, bài viết này đề xuất rằng việc đàm phán về mức thuế cần được bổ sung thêm các giải pháp về đầu tư như tăng mua trái phiếu Chính phủ Mỹ. Về dài hạn, tăng cường năng lực sản xuất để củng cố tiềm lực quốc gia là giải pháp cần thiết để Việt Nam vững vàng trong bất ổn thương mại toàn cầu.

Từ khóa: Thuế đối ứng; Việt Nam; Hoa Kỳ.

1. Giới thiệu

Thuế đối ứng của Mỹ đã tăng lên 46% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam. Mức thuế này ngay lập tức đã gây chấn động đến cả nền kinh tế. Thị trường chứng khoán giảm 72 điểm, giá vàng trong nước tăng 5 triệu đồng/lượng trong ngày công bố thuế đối ứng [1]. Hàng loạt các hợp đồng xuất khẩu bị ngừng trệ, giá trị lên đến 800 triệu USD như tại Bình Dương. Và ngay trong ngày công bố thuế, Chính phủ đã họp gấp các bộ ngành liên quan để thảo luận cách thức ứng phó với thuế đối ứng. Các diễn biến này cùng minh chứng cho tầm vóc ảnh hưởng của mức thuế đối ứng đối với nền kinh tế Việt Nam. Và ảnh hưởng này còn mang tính dài hạn, liên quan đến các điều chỉnh về thương mại toàn cầu.

Đáp ứng với nhu cầu nghiên cứu về một chủ đề mới như thuế đối ứng của Mỹ, bài viết này phân tích về thuế đối ứng gồm nội dung, mục tiêu và từ đó, đề xuất giải pháp của Việt Nam. Thuế đối ứng được đề xuất nhằm đạt được cân bằng thương mại, tiến tới điều chỉnh lại hệ thống

thương mại quốc tế và xa hơn xây dựng hệ thống địa chính trị toàn cầu. Bởi vậy, giải pháp ứng phó của Việt Nam không chỉ nằm trong thương mại mà còn liên quan đến cả tài chính và địa chính trị. Và giải pháp căn bản là dĩ bất biến ứng vạn biến, mà bất biến nằm ở tầm nhìn về một nền kinh tế vững mạnh, tự chủ trong hội nhập quốc tế.

Hiện nay, một số các ý kiến chuyên gia đã thảo luận về cách thức ứng phó của Việt Nam đối với thuế đối ứng của Mỹ.

Bổ sung cho cuộc thảo luận về chủ đề thuế đối ứng này, bài viết đóng góp thêm một ý tưởng về cách thức ứng phó của Việt Nam. So với các thảo luận đã có, bài viết tiếp cận thuế đối ứng theo ba góc cạnh gồm thương mại, đầu tư và địa chính trị toàn cầu. Bởi vậy, các cuộc đàm phán của Việt Nam về thuế đối ứng không chỉ tập trung vào thương mại song phương mà còn cần bổ sung thêm các chiều cạnh về đầu tư và địa chính trị.

Cấu trúc của bài viết bắt đầu với khung phân tích về thuế đối ứng ở mục 2, rồi từ đó, nghiên

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: hunglydai@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4552>

cứu về thực tiễn thuế đối ứng ở mục 3, và đề xuất các giải pháp ứng phó của Việt Nam trong mục 4. Và phần kết luận được trình bày ở mục 5.

2. Khung phân tích

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích định tính để nghiên cứu về thuế đối ứng của Hoa Kỳ. Cụ thể, bài viết đánh giá các xu hướng biến động chính của kinh tế thế giới, xoay quanh thương mại, đầu tư và tài chính, để từ đó, nhận định về thuế đối ứng mà Hoa Kỳ triển khai hiện nay. Kỹ thuật nghiên cứu bao gồm tổng hợp các nghiên cứu liên quan, thống kê kinh tế như tính toán giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, và nhận định xu hướng theo thời gian. Các kết quả tính toán về thống kê kinh tế này sẽ được lồng ghép, sử dụng như các bằng chứng thực tiễn cho các nhận định về thuế đối ứng.

Phương pháp nghiên cứu định tính phù hợp với chủ đề về thuế đối ứng của Hoa Kỳ trong bối cảnh hiện nay. Việc áp thuế đối ứng này chưa có tiền lệ trong quá khứ, nhất là khi so sánh trong giai đoạn nhiều năm kể từ thập kỷ 1980 đến nay với xu hướng thuế thương mại toàn cầu giảm để thúc đẩy giao thương giữa các quốc gia. Do vậy, thuế đối ứng có thể tạo ra một điểm gây về xu hướng vận động của thương mại quốc tế. Mà đối với điểm gây này, việc vận dụng phương pháp phân tích định tính giúp nghiên cứu có thể đưa ra các nhận định mà số liệu chưa kịp phản ánh được.

2.2. Cơ sở dữ liệu

Để hỗ trợ cho phương pháp nghiên cứu, bài viết thu thập các dữ liệu về kinh tế vĩ mô của Việt Nam, Hoa Kỳ và một số nước liên quan. Các dữ liệu này khá đa dạng, chủ yếu xoay quanh các biến số phản ánh thương mại, đầu tư và tài chính trong hội nhập kinh tế quốc tế. Một số biến số điển hình như xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam (tổng kim ngạch và tỷ lệ so với tổng sản lượng trong nước (GDP)); vốn đầu tư trực tiếp

nước ngoài vào Việt Nam (tổng giá trị vốn đăng ký và giá trị vốn giải ngân).

Các dữ liệu này được thu thập từ hai nguồn chính. Thứ nhất, dữ liệu về các chỉ số phát triển toàn cầu (World Development Indicators) của Ngân hàng Thế giới [2]. Cơ sở dữ liệu này ghi nhận số liệu từ năm 1950, riêng với Việt Nam chỉ có từ năm 1990 hoặc gần hơn, tùy vào biến số cụ thể. Thứ hai, dữ liệu về tình hình kinh tế xã hội hàng tháng, hàng quý và hàng năm, của Cục Thống kê [3]. Cơ sở dữ liệu này bao gồm các chỉ số về phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, bao gồm xuất khẩu, nhập khẩu, tăng trưởng, lạm phát và nhiều chỉ số khác. Riêng đối với Hoa Kỳ, bài viết sử dụng dữ liệu từ Ngân hàng Thế giới và kết hợp với cơ sở dữ liệu về kinh tế xã hội của Cục Thống kê Lao động Hoa Kỳ [4]. Cơ sở dữ liệu này bao gồm các số liệu về tăng trưởng, lạm phát, việc làm và các thông tin cơ bản khác. Nhìn chung, các cơ sở dữ liệu này bổ sung cho nhau để bài viết có nhiều chỉ số cùng phục vụ cho việc nghiên cứu về thuế đối ứng của Hoa Kỳ hiện nay.

3. Thuế đối ứng của Hoa Kỳ

3.1. Nội dung của thuế đối ứng

Ngày 4/4/2025, Mỹ đã áp mức thuế đối ứng 46% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 9/4/2025. Đến ngày 11/4/2025, Cơ quan Bảo vệ biên giới và Hải quan Mỹ công bố một số sản phẩm điện tử, như điện thoại thông minh, máy tính để bàn, linh kiện điện tử và công nghệ cao như chip bán dẫn, pin mặt trời, thẻ nhớ, nhập khẩu vào Mỹ sẽ nằm trong danh sách được miễn áp thuế theo chính sách thuế quan mới. Hiện nay, cũng như nhiều nước khác, trong khoảng thời gian 90 ngày được hoãn thuế, Việt Nam đang trong quá trình đàm phán về thuế đối ứng với Mỹ, nhằm đạt được một thỏa thuận thương mại với mức thuế phù hợp với Mỹ.

Theo trích dẫn của báo cáo của Văn phòng Đại diện Thương mại Mỹ, thuế đối ứng được tính dựa vào công thức từ công trình khoa học của nhóm tác giả Cavallo & cộng sự (2021) [5]. Mức

tăng thuế đối ứng (reciprocal tariff) để đưa mức thâm hụt thương mại song phương trở lại trạng thái cân bằng, được tính theo công thức sau:

$$\Delta\tau_i = \frac{x_i - m_i}{\varepsilon * \varphi * m_i}$$

Trong đó, $(\Delta\tau_i)$ là sự gia tăng cần thiết của thuế áp lên hàng hóa nhập khẩu; $(x_i > 0)$ là xuất khẩu; $(m_i > 0)$ là nhập khẩu; $(\varepsilon < 0)$ là độ co giãn của nhập khẩu đối với giá cả hàng hóa nhập khẩu; và $(\varphi > 0)$ mức chuyển (pass-through) từ giá cả của hàng hóa nhập khẩu vào mức giá trong nước.

Theo công thức này, Việt Nam có thặng dư thương mại với Mỹ, tức Mỹ có thâm hụt thương mại với Việt Nam, $((x_i - m_i) < 0)$, thì mức thuế đối ứng sẽ dương $(\Delta\tau_i > 0)$, tức là Mỹ tăng thuế đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam để điều chỉnh thâm hụt thương mại trở thành 0, tức là đạt được cân bằng. Cũng theo cơ chế điều chỉnh này, mức thâm hụt thương mại song phương của Mỹ với một nước đối tác càng cao, mức điều chỉnh thuế sẽ càng cao.

Mức thuế 46% mà Mỹ đưa ra đối với Việt Nam, và các mức thuế đối ứng khác dựa vào giá trị của mức chuyển từ giá cả nhập khẩu vào mức giá trong nước (φ) đạt 0,25. Theo [5], mức chuyển đạt 0,95. Bởi vậy, mức thuế đối ứng mà Chính phủ Mỹ đưa ra đang cao hơn gần gấp 4 lần so với con số hợp lý, tính ra được từ công thức theo [5].

Tuy nhiên, công thức dựa vào nghiên cứu khoa học chỉ mang tính liên quan đến việc Chính phủ Mỹ đánh thuế. Bản thân việc Mỹ đánh thuế cao lên đến 145% rồi sau lên 245% đối với hàng hóa từ Trung Quốc thì không còn dựa vào công thức khoa học nữa, mà mang tính chất của một cuộc chiến thương mại. Bởi vậy, trong bối cảnh chung mà Mỹ đánh thuế với tất cả các đối tác thương mại, Việt Nam không còn quan trọng đến nguyên nhân vì sao có mức thuế cao, mà cần đặt trọng tâm ở cách thức ứng phó với mức thuế cao. Và để có cách ứng phó phù hợp, việc hiểu được mục tiêu của Mỹ trong việc đánh thuế đối ứng đóng vai trò quan trọng. Tiềm mục tiếp theo sẽ trình bày các nội dung này.

3.2. Mục tiêu của Mỹ đối với thế giới

3.2.1. Mục tiêu trực tiếp: cân bằng lại cán cân thương mại

Từ năm 1980, Mỹ liên tục chứng kiến thâm hụt thương mại. Theo [2], cán cân thương mại hàng hóa và dịch vụ của Mỹ thâm hụt liên tục từ năm 1976, với bình quân đạt (-2,54%) so với tổng sản lượng trong nước (GDP) trong giai đoạn 1976-2023. Mức thâm hụt cao nhất đạt (-5,69%) vào năm 2006 và mức thấp nhất đạt 0,08% vào năm 1976. Thâm hụt thương mại của Mỹ cũng có biến động theo thời gian, nhất là vào giai đoạn khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, thâm hụt đã suy giảm.

Tuy nhiên, nếu xem xét thương mại so với GDP thì cũng cần lưu ý rằng độ mở thương mại của Mỹ khá thấp và thấp hơn nhiều so với độ mở thương mại của Việt Nam. Tỷ lệ của tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu so với GDP của Mỹ tăng dần từ mức 5% vào các năm 1980 đến mức 10% hiện nay, so với mức 170% của Việt Nam, theo [2]. Với độ mở thấp như vậy, Mỹ vẫn có thể được coi như một nền kinh tế khá đóng về lý thuyết và hơn nữa, có khả năng chống chịu cao các cú sốc bên ngoài.

Theo nguyên lý cân đối giữa thương mại và tài chính của cán cân thanh toán quốc tế của một nền kinh tế, thâm hụt cán cân thương mại đồng nghĩa với việc Mỹ phải vay tiền từ thế giới để tài trợ cho thâm hụt. Tức là nước thặng dư với Mỹ nhiều nhất cũng là chủ nợ lớn nhất của Mỹ. Vị trí này ban đầu thuộc về Nhật Bản, sau đó thuộc về Trung Quốc. Nhưng cũng theo hướng phức tạp dần về hội nhập kinh tế toàn cầu, thương mại và tài chính đã khá tách nhau. Theo số liệu của [6], Nhật Bản vẫn tiếp tục giữ vị trí chủ nợ lớn nhất của Mỹ về mặt tài chính, với giá trị nắm giữ trái phiếu Chính phủ Mỹ đạt khoảng 2700 tỷ USD, vượt xa so với mức của Trung Quốc năm khoảng 800 tỷ USD vào cuối năm 2024. Còn Trung Quốc vẫn là quốc gia giữ vị trí dẫn đầu về thặng dư thương mại với Mỹ hiện nay, nhưng đã chuyển đổi cơ cấu dự trữ ngoại hối, bằng việc giảm trái phiếu Chính phủ Mỹ (mức kỷ lục đạt 3000 tỷ USD vào năm 2021) sang nắm giữ nhiều vàng hơn.

3.2.2. Mục tiêu trung hạn: xác lập mới hệ thống thương mại quốc tế

Trong hệ thống thương mại quốc tế hiện nay, vị thế trung tâm của Mỹ đã không còn được duy trì như những năm thuộc thập niên 1960, khi mà Mỹ dựa vào năng lực sản xuất trong nước để xuất khẩu ra khắp thế giới, từ đó, đóng vai trò hỗ trợ các nước khác tái thiết sau chiến tranh. Cụ thể, Mỹ đã không còn giữ vị trí số một về sản xuất và xuất khẩu hàng hóa, mà vị trí này đã từng chuyển cho Nhật Bản hồi những năm 1980, rồi đến lượt Trung Quốc kể từ những năm 2000 cho đến nay.

Đáng lưu ý là trong nhiệm kỳ thứ nhất giai đoạn 2017-2021, Tổng thống Mỹ Donald Trump cũng đã tiến hành các biện pháp thuế quan với Trung Quốc và hiện nay với nhiệm kỳ thứ hai, thuế quan mở rộng đến cả các nước đối tác lớn của Mỹ như Châu Âu, Nhật Bản và cả các nước khác. Cũng theo tiến trình này, ở nhiệm kỳ thứ nhất, Tổng thống Trump muốn điều chỉnh lại hệ thống thương mại, và đến nhiệm kỳ thứ hai, muốn xây dựng mới hệ thống này.

Ngày 21/4/2025, Tổng thống Trump công bố một danh sách 8 hành vi gian lận phi thuế quan. Trong đó, xếp thứ nhất là thao túng tiền tệ và xếp thứ tám là dịch chuyển nơi sản xuất để lẩn tránh thuế thương mại. Các điểm còn lại gồm thuế giá trị gia tăng (VATs) dùng như thuế và trợ cấp xuất khẩu, phá giá dưới chi phí, trợ cấp xuất khẩu và các trợ cấp Chính phủ khác, tiêu chuẩn bảo vệ nông nghiệp mang tính bảo hộ, tiêu chuẩn kỹ thuật mang tính bảo hộ và hàng giả, gian lận sở hữu trí tuệ. Và danh sách này sẽ được Mỹ thực hiện ngay. Ví dụ như đối với điểm thứ tám, về lẩn tránh thuế, Bộ Thương mại Mỹ đã áp mức thuế 271% chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với pin và tấm pin mặt trời nhập khẩu từ bốn quốc gia Đông Nam Á, trong đó, có Việt Nam. Phía Mỹ cáo buộc các công ty lớn của Trung Quốc, như Jinko Solar và Trina Solar, đặt nhà máy tại Đông Nam Á để lách thuế, sau đó, xuất khẩu thiết bị giá rẻ vào Mỹ.

3.2.3. Mục tiêu dài hạn: củng cố vị thế của Mỹ trong trật tự thế giới mới

Mục tiêu dài hạn của Mỹ hướng tới nhằm củng cố khối các nước thân thiện với Mỹ trong

một trật tự thế giới đa cực. Trật tự thế giới này có thể gồm 5 cực, bởi số lượng này vững chắc, khó chia tách và đảm bảo cân bằng; nếu ít hơn như 3 cực thì không đảm bảo cân bằng; nếu nhiều hơn như 7 cực thì xuất hiện hiện tượng vấn đề trực lợi miễn phí [7]. Trong mục tiêu này, Mỹ sẽ yêu cầu một nền kinh tế lựa chọn nhóm, tức là theo cực mà Mỹ dẫn đầu, để được hưởng các điều kiện thương mại ưu đãi. Trước đây, Bộ trưởng Tài chính Mỹ Yellen vào chuyến thăm Việt Nam vào năm 2019 cũng đã nói đến friendshoring, tức là chuyển dịch chuỗi cung ứng theo nhóm các nền kinh tế thân thiện.

Cũng trong mục tiêu này, thuế quan về thương mại quốc tế còn được coi là vũ khí kinh tế, thay cho hỏa lực trong chiến tranh thực địa trên chiến trường [8, 9]. Với các nước càng dựa nhiều vào xuất khẩu để tạo thu nhập và thúc đẩy tăng trưởng, thuế quan càng trở thành vũ khí lợi hại để Mỹ gây áp lực. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng thuế quan dâng cao chỉ có giới hạn mà nếu quá cao cũng gây tác hại đối với thương mại quốc tế. Trong nhiệm kỳ đầu tiên 2017-2021, Tổng thống Trump cũng áp thuế cao lên hàng hóa của Trung Quốc, nhưng số liệu đến nay ghi nhận tổng thương mại giữa hai nước lại gia tăng chứ không giảm đi. Nhưng mức thuế lên đến 245% mà Mỹ áp lên hàng hóa từ Trung Quốc coi như chấm dứt hoạt động giao thương.

Và bản thân mức thuế cao cũng có nguy cơ làm cho nền kinh tế Mỹ trở nên nghèo hơn và bất an toàn hơn [10]. Hệ thống thương mại toàn cầu từ những năm 1950 đã chuyển biến theo hướng hoạt động có trật tự với các quy tắc nhằm thúc đẩy thương mại quốc tế trên cơ sở cùng chia sẻ lợi ích của các quốc gia và hạn chế các hành vi nhằm gây phương hại theo kiểu trả đũa thương mại. Cụ thể, mỗi nền kinh tế tập trung sản xuất và xuất khẩu hàng hóa mà quốc gia có chi phí cơ hội thấp hơn, tức là có lợi thế so sánh và nhập khẩu hàng hóa mà quốc gia đó không có lợi thế so sánh [11]. Và tổng thể, các quốc gia cùng có lợi. Nhưng cách tiếp cận mà Mỹ đang áp dụng đang theo hướng đưa hệ thống thương mại thành một cuộc chơi có tổng bằng không, tức là dựa vào các cách thức thuế quan mà gây hại cho đối tác, để tạo lợi thế cho quốc gia.

3.3. Mục tiêu riêng của Mỹ đối với Việt Nam

Là một nền kinh tế hội nhập trong thế giới, Việt Nam cũng chịu sự điều chỉnh của ba mục tiêu (trực tiếp, trung hạn và dài hạn) mà Mỹ đặt ra trong đợt tăng thuế đối ứng hiện nay. Trên cơ sở này, Mỹ còn có ba mục tiêu đối với Việt Nam với các đặc điểm riêng trong quan hệ thương mại giữa hai nền kinh tế.

3.3.1. Điều chỉnh thương mại phù hợp với năng lực sản xuất

Việt Nam được một số nhà tư vấn kinh tế của Mỹ coi là một điểm trung chuyển của Trung Quốc, tức là hàng hóa của Trung Quốc được xuất khẩu sang Việt Nam, đóng gói và nhãn mác của Việt Nam, để xuất sang Mỹ. Theo đặc điểm này, giá trị giao thương của Việt Nam với Mỹ chưa tương xứng với năng lực sản xuất mà Việt Nam đang có. Theo [3], bình quân sau 5 năm, thặng dư thương mại của Việt Nam với Mỹ lại tăng thêm 2,0 lần: 5,06 tỷ USD năm 2005 tăng lên 10,47 tỷ USD năm 2010; lên 63,37 tỷ USD năm 2015 (gấp 2,47 lần so với năm 2010); và 123 tỷ USD năm 2024 (gấp 1,95 lần so với năm 2015). Trong cùng thời gian, tốc độ tăng trưởng bình quân của Việt Nam chỉ đạt khoảng 6%/năm từ năm 2005 đến năm 2024, tức là tổng sản phẩm trong nước tăng thêm 1,3 lần sau 5 năm.

3.3.2. Hạn chế thao túng tiền tệ tạo lợi thế cạnh tranh không công bằng

Việt Nam nằm trong số các nền kinh tế mà Mỹ có nghi ngờ về thao túng tiền tệ. Đây là thuật ngữ mà Bộ Tài chính Mỹ mô tả các quốc gia có liên quan đến các hoạt động tiền tệ không công bằng nhằm trục lợi thương mại. Trong thực tế, thao túng tiền tệ được thể hiện qua việc các nhà hoạch định chính sách cố tình can thiệp, giữ giá của đồng nội tệ thấp hơn so với giá trị thực, để tạo lợi thế cạnh tranh trong xuất khẩu hàng hóa ra thế giới. Vào cuối năm 2024, trong báo cáo bán niên về "Chính sách kinh tế vĩ mô mà ngoại hối của các đối tác thương mại lớn với Mỹ" [12], Việt Nam được xác định không thao túng tiền tệ, nhưng cùng với 7 nước khác (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore và Đức)

nằm trong danh sách giám sát, khi có 2/3 tiêu chí vượt ngưỡng của thao túng tiền tệ.

Tuy vậy, cách nhìn nhận về thao túng tiền tệ cần được xem xét ở cả hai góc nhìn khác nhau từ cả Mỹ và đối tác. Đối với Mỹ, thị trường ngoại hối vận hành tự do theo quy luật thị trường, mà trong đó, tỷ giá hối đoái theo chế độ tự do điều chỉnh (free floating regime). Sự thay đổi của tỷ giá giữ vai trò như một bộ đệm hấp thụ các cú sốc bên ngoài đối với nền kinh tế nội địa. Nhưng đối với Việt Nam, tỷ giá hối đoái là một công cụ của chính sách tiền tệ, với mục tiêu nhằm giữ ổn định giá trị đồng tiền nội tệ. Bởi vậy, tỷ giá hối đoái được cơ quan hữu quan theo dõi, quản lý để giữ ổn định đồng tiền, và rộng hơn, ổn định kinh tế vĩ mô.

Hiện nay, chế độ tỷ giá hối đoái trung tâm đang được áp dụng tại Việt Nam. Trong đó, Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm và các ngân hàng thương mại dao động ngoại tệ trong biên độ $\pm 5\%$ so với tỷ giá trung tâm. Theo phân loại của Quỹ Tiền tệ Quốc tế [6], cách thức điều hành này gần với chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý (managed floating exchange rate regime). Và với chế độ tỷ giá này, mục tiêu mà Ngân hàng Nhà nước theo đuổi về giữ ổn định đồng nội tệ cũng giống như mục tiêu mà Cục Dự trữ Liên Bang Mỹ. Do vậy, so sánh chính sách tiền tệ giữa Mỹ và Việt Nam cho thấy mục tiêu giống nhau mà chỉ có cách thức triển khai khác nhau.

3.3.3. Tăng cường đầu tư của Mỹ cân bằng với thương mại song phương

Sự hiện diện của các công ty Mỹ đầu tư tại Việt Nam còn khá hạn chế, so với các công ty đa quốc gia từ các nước khác, điển hình là các nước Đông Bắc Á như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, và các nước Đông Nam Á như Singapore. Theo [3], qua các năm gần đây, Mỹ chưa nằm trong nhóm 3 quốc gia/vùng lãnh thổ đầu tư lớn nhất vào Việt Nam, mặc dù vẫn luôn duy trì vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài qua các năm.

Trong bối cảnh thâm hụt thương mại nhiều năm với thế giới, đầu tư quốc tế của Mỹ mới là sức mạnh chính. Một số chuyên gia kinh tế của Mỹ đánh giá rằng song song với suy giảm vị thế

thương mại quốc tế là sự vươn lên của vị thế đầu tư quốc tế của Mỹ, như một quỹ đầu tư toàn cầu và dùng tài chính để gây ảnh hưởng các nước khác [13]. Thậm chí, nếu áp dụng các chuẩn mực kế toán hiện đại một cách hợp lý, tức là khai thác các nguồn của cải tại các thiên đường thuế và đầu tư của thế giới, thì không phải Mỹ đang đi vay trên thị trường quốc tế mà thực chất, Mỹ vẫn đang tiếp tục cho vay và là bên cho vay lớn trên thế giới [14].

Tiềm lực đầu tư ra thế giới của Mỹ dựa trên vị thế trung tâm của đồng USD trong hệ thống tài chính và thương mại quốc tế. Đồng USD giữ vai trò chủ đạo như đồng tiền dự trữ chính của các quốc gia, chiếm gần 80% tổng dự trữ ngoại hối toàn cầu, bên cạnh nhóm các đồng tiền chính gồm Euro và Yên Nhật [15]. Đồng USD cũng là đồng tiền định giá chủ yếu, chiếm hơn 80% tổng giao dịch thương mại trên thế giới [16].

Từ đó, Mỹ có thể vay từ thế giới với mức lãi suất thấp, thông qua phát hành trái phiếu Chính phủ, và sử dụng nguồn lực này, để tạo ra nguồn vốn với chi phí thấp, đầu tư ra nước ngoài. Vị thế này còn gọi là đặc quyền (exorbitant privilege) đem lại cho Mỹ mức tỷ suất bình quân lợi nhuận đầu tư 3%/năm [17]. Đồng USD cũng trở thành đồng tiền chi phối (dominant currency), được coi như một tài sản an toàn của thế giới, tạo lợi thế để Mỹ xây dựng một trật tự thế giới dựa trên sức mạnh tài chính [7].

4. Chính sách của Việt Nam

4.1. Kinh nghiệm quốc tế

Hiện nay, một số nền kinh tế đã tiến hành đàm phán với Mỹ với nhiều biện pháp khác nhau. Cách thức của mỗi nước còn phụ thuộc vào tiềm lực kinh tế và mối quan hệ thương mại với Mỹ trong thời gian vừa qua. Bởi vậy, kinh nghiệm này cần được so sánh với thực tiễn của Việt Nam, tạo căn cứ cho việc đề xuất các giải pháp ứng phó trong thời gian tới.

4.1.1. Tăng mua hàng hóa từ Mỹ

Cách thức này giải quyết ngay tình trạng thặng dư thương mại với Mỹ. Trong khi vẫn duy

trì giá trị xuất khẩu sang Mỹ, mua nhiều hàng hóa hơn từ Mỹ sẽ gia tăng nhập khẩu, từ đó, giảm thâm hụt thương mại song phương từ phía Mỹ. Cụ thể, một số nước đã tăng mua các sản phẩm mà Mỹ có lợi thế hiện nay, gồm hàng hóa năng lượng như khí hóa lỏng LNG (Nhật Bản), khí Ethane và cả khí LNG (như Thái Lan), hàng hóa an ninh quốc phòng (Ấn Độ).

Biện pháp này nhằm tăng lợi thế khi đàm phán song phương với Mỹ. Nhưng giải pháp này cũng gặp khó khăn bởi hàng hóa nhập khẩu cần phù hợp với cơ cấu kinh tế, nhất là vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu. Lấy ví dụ như khí hóa lỏng LNG sẽ cần tàu vận tải lớn và kèm theo cảng lớn mới có thể sử dụng được. Hơn nữa, việc mua khí này còn liên quan đến kế hoạch sản xuất năng lượng trong nước.

Đối với Việt Nam hiện nay, cơ cấu hàng hóa nhập khẩu có khoảng 90% gồm các máy móc, nguyên vật liệu dùng làm đầu vào cho sản xuất trong nước. Mà để có giá thành sản phẩm ở mức cạnh tranh, Việt Nam hiện nay vẫn nhập khẩu từ các nước có lượng cung lớn, giá cả tương đối thấp như Trung Quốc, Hàn Quốc. Do vậy, thay đổi cơ cấu nhập khẩu để nhập thêm hàng hóa từ Mỹ có thể sẽ theo hướng nhập khẩu hàng nông sản trước, rồi đến hàng hóa công nghệ cao như máy bay phục vụ ngành có giá trị gia tăng cao, rồi đến nguyên vật liệu đầu vào.

4.1.2. Tăng đầu tư vào Mỹ

Tăng đầu tư vào Mỹ cũng là một giải pháp để củng cố thương mại song phương, để tạo thêm việc làm trong nền kinh tế Mỹ. Cụ thể, chính phủ thông qua nhiều giải pháp như hỗ trợ công ty trong nước đầu tư, mở rộng cơ sở sản xuất tại Mỹ. Nhật Bản đã làm theo cách thức này, với vị thế nhà đầu tư lớn nhất vào Mỹ trong vòng 5 năm gần đây. Nước này đã khuyến khích các công ty trong nước tăng cường đầu tư vào Mỹ bằng các giải pháp hỗ trợ cụ thể về thuế, phí.

Cũng theo kênh đầu tư, một cách nhanh nhất là mua thêm nhiều trái phiếu Chính phủ Mỹ, tức là tăng vị thế như nhà đầu tư nước ngoài đối với Chính phủ Mỹ. Đây cũng là cách mà Nhật Bản đã thực hiện, khi mà ngay trong tháng 2/2025, Nhật Bản đã tăng mua thêm hơn 23 tỷ USD trái phiếu Chính phủ Mỹ, góp phần tăng thêm vị thế

là chủ nợ lớn nhất của Mỹ hiện nay. Biện pháp này nhằm hỗ trợ cho vị thế khi đàm phán thương mại với Mỹ.

Tuy vậy, với giải pháp này, một nền kinh tế cần có nguồn vốn trong nước lớn. Như nguyên lý cơ bản của tài chính quốc tế, vốn đầu tư ra nước ngoài là chênh lệch của tiết kiệm trong nước so với đầu tư trong nước. Mà bản thân Việt Nam vẫn đang thiếu vốn, và liên tục được nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài bổ sung. Do vậy, việc đầu tư ra nước ngoài cũng có nhiều khó khăn. Nhất là tại Mỹ, hệ thống thể chế và cả kế toán còn nhiều điểm khác biệt so với Việt Nam.

Nghiên cứu gần đây cho thấy rằng đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn bởi chênh lệch tỷ suất lợi nhuận đầu tư giữa nước ngoài và trong nước, thể hiện qua chênh lệch tăng trưởng kinh tế thế giới so với Việt Nam [18]. Và vốn đầu tư từ Việt Nam vẫn tập trung chủ yếu ở các nền kinh tế gần gũi về địa lý như các nước trong khu vực Đông Nam Á. Điển hình gần đây có công ty Vinfest International mở rộng đầu tư vào Mỹ, nhưng cũng lưu ý rằng công ty Vinfest này có trụ sở tại Singapore, chứ không phải tại Việt Nam.

4.1.3. Tăng cường liên kết giữa Chính phủ và doanh nghiệp

Trong giải pháp này, lợi thế đàm phán được xây dựng khi nhiều đối tác cùng đàm phán. Kinh nghiệm của Thái Lan ghi nhận rằng chính phủ nước này đã hòng nhất một lập trường khi đàm phán với Mỹ, bằng cách liên kết chặt chẽ giữa các cơ quan Chính phủ với cộng đồng doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp xuất khẩu sang Mỹ.

Rộng hơn, lợi thế đàm phán thuế cũng gia tăng khi một nước tăng cường liên kết với các nước cùng chia sẻ quyền lợi để tạo lợi thế đàm phán lớn hơn khi đàm phán riêng lẻ. Đây cũng là cách thức mà các quốc gia Đông Nam Á đang xem xét củng cố để có lợi thế khi đàm phán thuế quan với Mỹ. Gần đây, các nước trong cộng đồng kinh tế ASEAN đã thống nhất về việc tăng cường đối thoại trong đàm phán thuế đối ứng với Mỹ.

So với thực tiễn của Việt Nam, giải pháp này có tính khả thi khá cao, bởi khả năng phát huy được cộng đồng kinh tế ASEAN nơi mà Việt

Nam đang là thành viên. Và việc này cũng cần tham chiếu trên khả năng của Việt Nam trong cân bằng được các mối quan hệ không chỉ thương mại và chính trị với các đối tác, nhất là các nước đối tác lớn.

4.1.4. Tăng cường tiềm lực nền kinh tế trong nước

Giải pháp này bao gồm đưa hàng hóa xuất khẩu phục vụ thị trường trong nước, tăng cường chuỗi liên kết về giá trị với các doanh nghiệp trong nước. Đây là cách thức mà Trung Quốc đang thực hiện. Tuy nhiên, cách thức này đã được Trung Quốc chuẩn bị ngay từ giai đoạn 2017-2021 khi mà Mỹ nâng thuế quan cao với hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc. Và bởi vậy, biện pháp này mang tính dài hạn, chuẩn bị cho phương án đàm phán lâu dài với Mỹ.

Việt Nam cần áp dụng giải pháp này và xác định như một chiến lược lâu dài không chỉ ứng phó với thuế đối ứng từ Mỹ mà còn đối với sự thay đổi của hệ thống thương mại quốc tế. Tiêu dùng, xuất khẩu và đầu tư vẫn được coi như ba động lực tăng trưởng truyền thống của nền kinh tế Việt Nam trong thời gian vừa qua. Trong khi xuất khẩu còn phụ thuộc vào kinh tế thế giới, chịu ảnh hưởng của khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, và vốn đầu tư còn hạn chế, thì chuyển hướng vào tiêu dùng nội địa là cần thiết để giữ ổn định các động lực tăng trưởng kinh tế.

4.2. Kinh nghiệm quốc tế

Các mục tiêu của Mỹ và cách phản ứng của các nước cho thấy rằng thuế đối ứng là một vũ khí kinh tế mà Mỹ sử dụng để đạt được mục tiêu về thương mại, đầu tư và địa chính trị quốc tế. Vì vậy, đàm phán về thương mại chỉ là một bước khởi đầu, đàm phán về đầu tư và địa chính trị đến tiếp theo.

4.2.1. Cân bằng thương mại

Về mục tiêu, cần thống nhất mục tiêu trực tiếp với Mỹ về việc cân bằng thương mại giữa hai nước, trên cơ sở cùng phát huy lợi thế cạnh tranh của mỗi quốc gia. Để đạt được mục tiêu này, Việt Nam cần phân tách rõ ràng danh mục

hàng hóa và giá trị kèm theo của các hàng hóa đang mượn vị trí của Việt Nam để xuất khẩu sang Mỹ, và phân biệt với danh mục hàng hóa mà Việt Nam sản xuất trong nước, có tỷ lệ nội địa hóa cao và nhất là dựa vào lợi thế so sánh tương đối của nền kinh tế. Trong đó, tập trung vào danh mục hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam với việc minh bạch hóa về nguồn gốc và chuỗi giá trị sản xuất.

4.2.2. Hợp tác kinh tế toàn diện

Về công cụ, cần bổ sung các công cụ đàm phán hỗ trợ về thương mại, đầu tư và tài chính.

Về thương mại, cần xác định các hàng hóa mà Việt Nam có thể nhập khẩu được từ Mỹ (kèm theo là sẵn sàng giảm nhập khẩu từ các thị trường khác) mà phù hợp với sức hấp thụ của nền kinh tế. Một số mặt hàng mà Việt Nam đã chủ động ký kết hợp đồng nhập khẩu như máy bay thương mại với giá trị lớn, và danh mục tiếp theo có thể mở rộng thêm các hàng hóa nguyên vật liệu phục vụ quá trình sản xuất.

Về đầu tư, cần tăng cường đầu tư không chỉ thu hút thêm đầu tư từ Mỹ mà Việt Nam cũng cần tăng đầu tư vào Mỹ. Cụ thể, Việt Nam có thể tăng đầu tư theo cách thức doanh nghiệp Việt Nam đầu tư, mở nhà máy tại Mỹ. Và thậm chí, Việt Nam có thể nghiên cứu để mua thêm trái phiếu Chính phủ Mỹ, tức là đầu tư thêm để tham gia vào nhóm chủ nợ của Chính phủ Mỹ.

Về tài chính, hợp tác tài chính, nhất là trên lĩnh vực tài sản số, có thể xem xét thúc đẩy thêm khi mà các trung tâm tài chính mới của Việt Nam đang thức đẩy xây dựng. Cùng với hợp tác tài chính, Việt Nam cần tăng cường năng lực phòng thủ trên không gian số, để đảm bảo khả năng an toàn, bảo mật và thích ứng với thế giới.

4.2.3. Tầm nhìn địa chính trị quốc tế

Về tầm nhìn, Việt Nam sẽ tiếp tục phát huy vị thế của một nền kinh tế có mối quan hệ đa phương với các nước khác trên thế giới. Mỹ là đối tác thương mại lớn nhất, nhưng không phải là đối tác thương mại duy nhất. Trong tương lai, khi trật tự thế giới đa cực, mà có thể gồm 5 cực chính (Mỹ, Trung Quốc, Liên minh Châu Âu, Ấn Độ, Nga hoặc Nhật Bản) [7], thì Việt Nam sẽ hợp tác với các cực này. Để củng cố vị thế đa phương

trên thế giới, Việt Nam sẽ cần củng cố nội lực, tức là tăng khả năng tự chủ về phát triển kinh tế.

5. Kết luận

Trong đàm phán thuế đối ứng với Mỹ, hành động của Việt Nam trong đàm phán với Mỹ cần tiến hành nhanh chóng và dứt khoát, tiến hành trên các cấp độ khác nhau từ doanh nghiệp cho đến Chính phủ, và trên các kênh khác nhau gồm ngoại giao với bên ngoài và truyền thông với nhân dân, doanh nghiệp bên trong. Xuyên suốt trong đàm phán, phương cách cơ bản trong đàm phán thuế quan hiện nay sẽ cần "dĩ bất biến ứng vạn biến" mà trong đó, bất biến nằm ở tầm nhìn về một nền kinh tế độc lập, tự chủ trong hợp tác đa phương với các nước khác trên thế giới.

Trong tương lai, thuế đối ứng mở ra một chuỗi các sự kiện tiếp theo, nằm trong sự thay đổi của hệ thống thương mại quốc tế, kèm theo cả đầu tư và tài chính quốc tế. Bởi vậy, nâng cao năng lực sản xuất trong nước để tăng cường tiềm lực ứng phó với các biến động của kinh tế thế giới đóng vai trò căn bản. Tiếp theo, đa phương hóa đối tác và đa dạng hóa sản phẩm thương mại quốc tế sẽ bổ sung thêm nền tảng để Việt Nam vững vàng, tiến tới tham gia điều chỉnh thương mại toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

- [1] Vietnam Economic Times, The Market Has Reflected the Penultimate Tax Information, will VN-Index Adjust to 1250 and Wait for the Negotiation Results?, <https://vneconomy.vn/thi-truong-da-phan-anh-xong-thong-tin-my-hoan-ap-thue-vn-index-se-dieu-chinh-ve-1250-va-cho-ket-qua-dam-phan.htm> (accessed on: April 20th, 2025).
- [2] World Bank, World Development Indicators, <https://databank.worldbank.org/source/world-development-indicators> (accessed on: April 20th, 2025).
- [3] Vietnam National Statistics Office, Economic Social Monthly Report, <https://www.nso.gov.vn/bao-cau-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-hang-thang/> (in Vietnamese) (accessed on: April 20th, 2025).

- [4] United States Bureau of Labour Statistics, <https://www.bls.gov/> (accessed on: April 20th, 2025).
- [5] A. Cavallo, G. Gopinath, B. Neiman, J. Tang, Tariff Pass-through at the Border and at the Store: Evidence from us Trade Policy, the American Economic Review: Insights, Vol. 3, No. 1, pp. 19-34.
- [6] International Monetary Fund, Annual Report on Exchange Arrangements and Exchange Restrictions, <https://www.imf.org/en/Publications/SPROLLs/Annual-Report-on-Exchange-Arrangements-and-Exchange-Restrictions#sort=%40imfdate%20descending> (accessed on: April 20th, 2025).
- [7] M. K. Brunnermeier, U. S Dollar, Deficits, & Safe Assets: Are We Entering a New Global Economic Order?, Markus's Academy Seminar Series, 2025, <https://bcf.princeton.edu/wp-content/uploads/2025/04/2025.04.17-MA-Markus-Brunnermeier.pdf> (accessed on: April 20th, 2025).
- [8] N. Mulder, The Economic Weapon: The Rise of Sanctions as a Tool of Modern War, Yale University Press.
- [9] A. O. Hirschman, National Power and the Structure of Foreign Trade, University of California Press, Vol. 105.
- [10] M. Obstfeld, Trump's Approach to Geoeconomics Carries Dark Echoes, The Economist, <https://www.economist.com/by-invitation/2025/04/08/trumps-approach-to-geoeconomics-carries-dark-echoes-writes-maurice-obstfeld> (accessed on: April 20th, 2025).
- [11] P. A. Samuelson, Welfare Economics and International Trade, The American Economic Review, Vol. 28, No. 2, pp. 261-266.
- [12] United States Department of Treasury, Semi-annual Report on Macroeconomic and Foreign Exchange Policies of Major Trading Partners of the United States, <https://home.treasury.gov/policy-issues/international/macroeconomic-and-foreign-exchange-policies-of-major-trading-partners-of-the-united-states> (accessed on: April 20th, 2025).
- [13] P. O. Gourinchas, H. Rey, From World Banker to World Venture Capitalist: US External Adjustment and the Exorbitant Privilege, In G7 Current Account Imbalances: Sustainability and Adjustment, University of Chicago Press, 2007, pp. 11-66.
- [14] G. Zucman, The Missing Wealth of Nations: Are Europe and the US Net Debtors or Net Creditors?, The Quarterly Journal of Economics, Vol. 128, No. 3, pp. 1321-1364.
- [15] E. Farhi, M. Maggiori, A Model of the International Monetary System, The Quarterly Journal of Economics, Vol. 133, No. 1, pp. 295-355.
- [16] G. Gopinath, E. Boz, C. Casas, F. J. Díez, P. O. Gourinchas, M. P. Møller, Dominant Currency Paradigm, The American Economic Review, Vol. 110, No. 3, pp. 677-719.
- [17] P. O. Gourinchas, H. Rey, H, International Financial Adjustment, Journal of Political Economy, Vol. 115, No. 4, pp. 665-703.
- [18] L.D. Hung, Foreign Direct Investment Capital Outflows from Vietnam, Review of World Economic and Political Issues, Vol. 1, No. 346, pp. 52-62 (in Vietnamese).